TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 816/2023/QĐST-HNGĐ	*Thành phố H, ngày 01 tháng 12 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 và 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 792/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2023 về việc Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Trương Văn N, sinh năm 1995.

Địa chỉ: B B, phường G, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Chị Phan Thị Mỹ N1, sinh năm 2000.

Địa chỉ: P, tầng C1, nhà C, khu định cư phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trương Văn N và chị Phan Thị Mỹ N1 tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 11/8/2020 tại Ủy ban nhân dân phường P (nay là phường G), thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị N1 là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng một thời gian thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống khác nhau nên thường xuyên cãi vã nhau, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân. Xét thấy, mâu thuẫn của vợ chồng anh N và chị N1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn giữa anh N và chị N1 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên cần công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh N và chị N1.

[2] Về con chung: Anh Trương Văn N và chị Phan Thị Mỹ N1 có 01 con chung tên là Trương An B, sinh ngày 13/3/2022. Hiện nay, cháu B đang ở với chị N1. Nay ly hôn, anh N và chị N1 thỏa thuận: Giao cháu Trương An B cho chị N1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi), anh N không cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Anh Trương Văn N và chị Phan Thị Mỹ N1 không có tài sản chung, không vay nợ ai, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trương Văn N và chị Phan Thị Mỹ N1 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Trương Văn N và chị Phan Thị Mỹ N1 có 01 con chung tên là Trương An B, sinh ngày 13/3/2022. Hiện nay, cháu B đang ở với chị N1.

Giao cháu Trương An B cho chị Phan Thị Mỹ N1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi), anh Trương Văn N không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Anh Trương Văn N và chị Phan Thị Mỹ N1 không có tài sản chung, không vay nợ ai, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Trương Văn N và chị Phan Thị Mỹ N1, mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001011 ngày 03/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Anh Trương Văn N, chị Phan Thị Mỹ N1 đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Người yêu cầu;
- TAND tỉnh TT. Huế;
- VKSND thành phố H;
- CC THADS thành phố H;
- UBND P. G, thành phố H
(ĐKKH số 51 ngày 11/8/2020);
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lê Văn Hạnh